

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2021/HS-PT

Ngày 20 - 4 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành

Bà Vũ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Đình Đồng - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 226/2021/HSPT ngày 10 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Bá D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Bá D, sinh năm 1966; nơi cư trú thôn Quang Trung, xã Q, huyện G, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp Công chức Tư pháp; đảng phái đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng G (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ph; vợ là Vũ Thị M và có 02 con (con lớn sinh năm 2001, nhỏ 2006); tiền án, tiền sự không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt (không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; nơi cư trú thôn Bình Trù, xã Q, huyện G, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân huyện G, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 20/3/2020, Nguyễn Bá D là cán bộ công chức tư pháp của UBND xã Q, G, Hà Nội, được Chủ tịch UBND xã Q giao giải quyết đơn hòa giải tranh chấp đất tại thôn Quang Trung, Q, G, Hà Nội do bà Nguyễn Thị T gửi UBND xã. Quá trình giải quyết đơn, vào khoảng 15 giờ ngày 27/5/2020, bà T đến phòng tư pháp xã Q gặp D để hỏi về việc giải quyết đơn, D có nêu ra các lý do khó khăn thiếu một số giấy tờ là bố bà T chết đã lâu không có giấy chứng tử nên chưa giải quyết đơn của bà T, bà T đã đặt vấn đề đưa tiền cho D để giải quyết đơn của mình thì D không nói gì. Bà T có hỏi D có hết nhiều tiền lắm không thì D trả lời là chỉ hết vài triệu thôi. Đến khoảng 7 giờ 45 phút ngày 28/5/2020, bà T chủ động chuẩn bị số tiền 5.000.000 đồng, gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng được bà T ghi nhớ số seri từng tờ tiền vào một tờ giấy và chủ động bật điện thoại thông minh có chức năng ghi âm, ghi hình và đi đến trụ sở UBND xã Q. Bà T vào phòng làm việc của D đưa số tiền 5.000.000 đồng cho D với mục đích “bôi trơn” để D nhanh chóng giải quyết dứt điểm đơn hòa giải của bà mà D đang thụ lý. D cầm số tiền đó và để ở dưới quyền sổ trên bàn làm việc của D. Sau khi bà T về, D sang phòng số 2 của Ủy ban nhân dân xã Q, G họp hội ý trước khi đi cưỡng chế tại thôn Quang Trung và thôn Bình Trù, G. Tại cuộc họp có mặt lãnh đạo của UBND xã Q nhưng D không báo cáo lãnh đạo UBND xã về việc bà T đưa tiền cho D để giải quyết đơn của bà T mà D đang thụ lý. Khoảng 15 phút sau thì họp xong, D về phòng và cầm số tiền bà T đưa cho vào túi quần đang mặc và đi cưỡng chế.

Sau khi đưa tiền cho D, bà T liền đến Công an xã Q tố giác về việc trên.

Trên đường đi cưỡng chế, D biết bà T trình báo Cơ quan Công an việc mình cầm tiền của bà T, cho nên D đã đến gặp ông Nguyễn Trương Đ (là anh ruột bà T), D đã đưa cho ông Đ toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng mà bà T đã đưa cho D để nhờ ông Đ trả lại tiền cho bà T. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, ông Đ mang số tiền trên ra UBND xã Q, lúc này bà T đang làm việc với cán bộ Công an xã Q. Ông Đ đi vào và

đưa trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà T nhưng bà T không nhận, ông Đ cầm lại số tiền này và đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, ông Đ đã ra Cơ quan Công an để khai báo nội dung vụ việc và giao nộp lại cho Cơ quan CSĐT Công an huyện G toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng mà D đưa nhờ ông Đ trả bà T nhưng bà T không nhận.

Cơ quan điều tra Công an huyện G, đã tiến hành tạm giữ, niêm phong toàn bộ 10 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ (năm trăm nghìn Việt Nam đồng), có số seri: NR16793791, EQ10052089, ZR17854684, BF18758319, AK18490874, WJ19394614, IC13565109, OX15490310, LS17490062, MD17897110 mà ông Đ giao nộp.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra Công an huyện G đã tiến hành thu giữ đoạn Video âm thanh mà bà T đã quay lại khi nói chuyện và đưa tiền cho D tại phòng tư pháp UBND xã Q vào chiều ngày 27/5/2020 và sáng ngày 28/5/2020.

Ngày 12/6/2020, Cơ quan điều tra - Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định đoạn Video âm thanh mà bà T khai là đoạn nói chuyện giữa bà T và D chiều ngày 27/5/2020 và sáng ngày 28/5/2020, đến Viện khoa học hình sự - Bộ Công an. Ngày 09/7/2020, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có kết luận giám định số 3706/C09-P6, kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong các File video mẫu cần giám định;

- Do các file video mẫu cần giám định có chất lượng kém nên không đủ điều kiện đưa ra Kết luận giám định có tiếng nói của ông Nguyễn Bá D và bà Nguyễn Thị T trong mẫu cần giám định.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Bá D ban đầu nhận tội phù hợp với lời khai của người tố giác sau đó bị cáo thay đổi lời khai: Vào sáng ngày 28/5/2020, bà T đến phòng làm việc của D đưa tiền nhưng D không nhận. Sau đó D bảo bà T là phải đi họp thì D cùng bà T đi ra ngoài cửa, khi đi ra gần cửa phòng làm việc của D, bà T bảo quên chìa khóa trên bàn làm việc của D và quay lại lấy. Sau khi họp hội ý cưỡng chế xong, D quay về phòng thì nhìn thấy tiền để ở dưới quyển sổ trên bàn làm việc

của mình, D nghĩ đó là tiền của bà T để lại. Sau đó, D cho tiền vào túi mang theo đi cưỡng chế để trả bà T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HSST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá D phạm tội “Nhận hối lộ”

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm h, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bá D 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/01/2021, bị cáo Nguyễn Bá D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo;

Ngày 27/01/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, cho rằng: bị cáo là người chủ động yêu cầu bà đưa tiền, cáo trạng nêu bà là người chủ động đưa tiền cho bị cáo D là không đúng, yêu cầu giám định lại file ghi âm do bà cung cấp. Bị cáo không thành khẩn nhận tội nhưng bản án sơ thẩm lại cho rằng bị cáo thành khẩn nhận tội để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nằm trong hạn luật định nên hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị cáo D vắng mặt không có lý do. Vụ án đã được đưa ra xét xử nhiều

lần nhưng bị cáo đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo.

+ Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 7 giờ 45 phút ngày 28/5/2020, Nguyễn Bá D là cán bộ Tư pháp xã Q, huyện G, Hà Nội được giao giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị T đã có hành vi nhận 5.000.000 đồng của bà T nhằm mục đích để giải quyết nhanh đơn của bà T. Với hành vi trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Bá D về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T kháng cáo cho rằng các file ghi âm do bà cung cấp không phải có chất lượng kém như Kết luận giám định của cơ quan tiến hành tố tụng, bà đề nghị hủy toàn bộ bản án để điều tra, xét xử lại. Xét thấy, mặc dù, tại phiên tòa sơ thẩm, ban đầu bị cáo Nguyễn Bá D không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ căn cứ vào Kết luận giám định file video do bà T cung cấp mà còn căn cứ vào lời khai của những người tham gia tố tụng và nhiều tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ”. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy toàn bộ bản án để điều tra, xét xử lại.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá D, thấy: Bị cáo là cán bộ Tư pháp xã, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý phạm tội, dùng quyền hạn của mình để đòi hỏi và nhận tiền hối lộ liên quan trực tiếp đến công việc mà mình đang có chức vụ quyền hạn để giải quyết. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên cần giữ nguyên mức hình phạt 09

tháng tù đối với bị cáo. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt thì mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung .

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Bá D vắng mặt không có lý do. Vụ án đã được đưa ra xét xử vào ngày 09/4/2021 nhưng phải hoãn phiên tòa lý do bị cáo vắng mặt không có lý do chính đáng, lần đầu đưa ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo D tiếp tục vắng mặt không có lý do; bị cáo kháng cáo nhận tội chỉ đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, việc bị cáo vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 7 giờ 45 phút ngày 28/5/2020, tại phòng tư pháp của Ủy ban nhân dân xã Q, G, Thành phố Hà Nội, Nguyễn Bá D là cán bộ Tư pháp xã Q được giao giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị T đã có hành vi nhận 5.000.000 đồng của bà T để giải quyết nhanh đơn của bà T. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Bá D về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, thấy: bà Nguyễn Thị T kháng cáo cho rằng các file ghi âm do bà cung cấp không phải có chất lượng kém như Kết luận giám định của cơ quan tiến hành tố tụng, bà đề nghị hủy toàn bộ bản án để điều tra, xét xử lại. Xét thấy, mặc dù, tại phiên tòa sơ thẩm, ban đầu bị cáo Nguyễn Bá D không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng sau đó bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ căn cứ vào Kết luận giám định file video do bà T cung cấp mà còn căn cứ vào lời khai của những người tham gia tố tụng và nhiều tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội “Nhận hối lộ”. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T đề nghị hủy toàn bộ bản án để điều tra, xét xử lại. Việc bà T kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 9 tháng tù là quá nhẹ, không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét nội dung kháng cáo nêu trên của bà T thấy theo quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự, thì bà T không có quyền kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo. Từ phân tích trên, cần bác đơn kháng cáo của bà T người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá D, thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín, niềm tin của nhân dân đối với cơ quan Nhà nước. Bị cáo là cán bộ Tư pháp, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vẫn cố ý phạm tội, lợi dụng quyền hạn của mình để đòi hỏi và nhận tiền của người khác liên quan trực tiếp đến công việc mà mình đang có chức vụ quyền hạn để giải quyết. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác, gia đình bị cáo có công với cách mạng để quyết định cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên cần giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù đối với bị cáo. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để tạo niềm tin của nhân dân đối với cơ quan nhà nước trong việc xử

lý sai phạm của cán bộ, công chức và đề răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung thì cần bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo D.

Từ nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị T, cần giữ nguyên các quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí: Bị cáo không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bá D 09 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Bá D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 20/4/2021.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G, HN;
- Công an huyện G, HN;
- TAND huyện G, HN;
- Chi cục huyện G, HN;
- Bị cáo;
- Lưu HSVÀ; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Quang